

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HS-ST

Ngày 17-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Khương, bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Đào Anh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 418/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Vương H**; tên gọi khác: không; sinh ngày 14 tháng 8 năm 2005 tại tỉnh: Đắk Lắk. Nơi cư trú: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hữu N và bà Nguyễn Thị Lê N1; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2024 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 2002. Địa chỉ: Số A N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Trung Đ, sinh năm 2006. Địa chỉ: Số B Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2008. Địa chỉ: Số A S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Anh C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số H N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Anh Luân Văn G, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố I, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Anh Dương Hạnh P, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số B S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Anh Vũ Hoàng T3, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số A S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông Đỗ Đình R, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số A S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Anh Võ Vương H1, sinh năm 2004. Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Ông Trần Đình T4, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số B Y, tổ dân phố E, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Lê N1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số A N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người chứng kiến:

- Ông Lê Thanh T5, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số A N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông Đoàn Hoàng N2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông Đặng Huy H3, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: “*Câu lạc bộ phòng chống tội phạm – Đội hiệp sĩ đường phố Buôn Ma T6*” là nhóm tự phát do anh Nguyễn Anh C cùng anh Luân Văn G thành lập, quản lý, tổ chức hoạt động tập hợp những người tình nguyện tham gia tổ chức các đợt tuần tra vào ban đêm, hỗ trợ các lực lượng chức năng và người dân trong việc đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn thành phố B, với nội quy của nhóm là “1. Không được hoạt động ngoài khu vực thành phố B; 2. Khi tuần tra không được tự ý đi vào nhà dân, cơ quan, nhà trọ, khu vực quản lý của doanh nghiệp, Nhà nước, tư nhân (ngày lẫn đêm); 3. Không được phép giữ người

khi không có căn cứ, bằng chứng phạm tội, khám người, kiểm tra giấy tờ tùy thân; 4. Khi hoạt động tuần tra không được phép tự ý xử lý, truy đuổi, tiếp cận đối tượng (trường hợp có cơ quan chức năng, người dân hỗ trợ); 5. Không được phép lấy danh nghĩa của đội đi thực hiện các hành vi ngoài quyền, nghĩa vụ, nội qui - qui định đã đề ra; 6. Khi đi tuần tra phải thông báo lên nhóm, hoặc Đội trưởng, Đội phó nắm thông tin khi đi; 7. Tuyệt đối chấp hành nghiêm các quy định của Pháp luật khi tham gia giao thông cũng như trong quá trình hoạt động của nhóm”. Vào tháng 4/2022, Đỗ Đình R tham gia nhóm. Đến ngày 06/12/2023, R giới thiệu Dương Hạnh P và Nguyễn Văn T1 với anh G xin cho P và T1 tham gia nhóm thì được anh G đồng ý. Đến ngày 07/12/2023, R tiếp tục giới thiệu Vũ Hoàng T3 và Võ Vương H tham gia nhóm và tham gia tuần tra vào buổi tối, thì được anh G đồng ý cho việc Rạng cùng P, T1, H, T3 tổ chức đi tuần tra ban đêm trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đến khoảng 22 giờ ngày 07/12/2023, R tập hợp T3, P, T1, H tại địa chỉ số A S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để tổ chức đi tuần. Khi đi thì nhóm của Rạng di chuyển bằng 03 xe mô tô gồm: T3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 47B2-670.95, chở R cầm theo 01 (một) gậy kim loại (loại ba khúc có thể rút ngắn lại); H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại Raider, không gắn biển số chở T1 cầm theo 01 (một) gậy bằng kim loại (loại gậy Tonfa, ba khúc có thể rút ngắn); P đi một mình trên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 64F1-54587, đi lòng vòng xung quanh trung tâm thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để tuần tra giúp lực lượng chức năng đảm bảo an ninh trật tự, khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thì ngăn chặn, trong trường hợp có hành vi phạm tội thì bắt quả tang giao cho Cơ quan chức năng. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm phát hiện có 02 thanh niên mặc quần áo màu đen, điều khiển xe mô tô loại Sirius sử dụng đèn pin soi, rọi vào nhà người dân nghi vấn tìm kiếm tài sản để trộm cắp tại khu vực đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nhưng không phát hiện hành vi phạm tội và không đi theo được nên nhóm của R đi lòng vòng xung quanh để tìm kiếm. Đến khoảng 0 giờ ngày 08/12/2023, khi đi tuần trên tuyến đường N, phường E, thành phố B, nhóm của R thấy anh Huỳnh Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 47L1-132.58, chở anh Trần Trung Đ ngồi phía sau xe, dùng đèn xe mô tô chiếu về phía các nhà dân bên đường. Nhóm của R tiến lại gần, rồi T3 hô lên “dừng lại”, thấy nhóm của Rạng đông người, anh T lo sợ bị đánh nên tăng tốc điều khiển xe bỏ chạy theo đường N, hướng đến nghĩa trang phường E, thành phố B. Hầu như anh T và anh Đ trộm cắp tài sản xong bỏ chạy nên điều khiển xe chở T1 tăng tốc vượt qua xe của T3, đuổi theo xe của anh T và Đ. Khi xe của H cách xe của anh T khoảng 10m, thì anh T nói anh Đ dùng gạch đá mang theo từ trước để trong balo ném dọa để không bị truy đuổi nữa thì anh Đ lấy hết gạch, đá (khoảng 4-5 cục) ném về phía H, T1 nhưng không trúng. Rồi anh T điều khiển xe chạy vào hẻm A N, phường E, H cũng điều khiển xe chạy theo phía sau, khi này T3 và P thấy H đuổi theo anh T nên cũng điều khiển xe mô tô đi theo phía sau (T3 chở R đi sau H, P đi sau cùng). Sau đó, H điều khiển xe vượt lên đi ngang phía bên phải xe của anh T, ép xe của anh T đi sát lề đường phía bên trái. Lúc này, T1 yêu cầu anh T và Đ dừng

lại và cầm gậy đánh 02 cái trúng vào tay của anh Đ nhưng anh T vẫn điều khiển xe đi mà không dừng lại. Thấy vậy, H bức xúc nên dùng chân đạp 02 đến 03 cái trúng vào hông phải xe của anh T và Đ, làm anh T mất lái đâm trúng vào cột điện số 471EATAM177 bị thương tích, anh Đ ngã tại chỗ, xe mô tô bị hư hỏng. Khi anh T tông trúng cột điện, do tốc độ cao nên H cũng bị mất lái ngã xe mô tô vào mương nước bên lề trái đường, cách vị trí cột điện khoảng 10m. T3 đi theo phía sau, thấy va chạm nên dừng xe, R xuống xe và lấy 01 cây gậy (gậy bằng kim loại, loại ba khúc có thể thu ngắn lại) chạy lại vị trí của T1 và H thì thấy hai người bị ngã nằm cạnh xe mô tô. Rạng bức xúc liền chạy đến chỗ anh Đ rồi dùng chân đá 02 cái trúng vào bụng của anh Đ. T3 đỡ H và T1 dậy, rồi H tiến lại phía anh T, thấy anh T đang nằm gần khu vực bụi cây, không rõ cụ thể bị thương tích như thế nào nên Hàu bức xúc, cởi 01 mũ bảo hiểm, loại mũ che ½ đầu, màu trắng, nhãn hiệu “Nón sơn” đang đội trên đầu dùng đập anh T thì trúng vào vùng đầu, lúc này anh T đang đội 01 mũ bảo hiểm, loại che ½ đầu, màu trắng, nhãn hiệu “Nón sơn” nên H đập trúng mũ bảo hiểm của anh T làm cho 02 mũ bảo hiểm bị vỡ, nên H vứt mũ bảo hiểm xuống đất. Khi này anh T nói “chú ơi cháu gãy chân rồi”, thấy anh T bị thương tích nặng nên Rạng can ngăn Hàu. Sau đó, T1 thấy cạnh anh Đ có 01 chiếc balo màu xám, T1 kiểm tra thì thấy trong B có 01 cái bẫy mèo tự chế, Thái tiến lại thấy vậy thì dùng chân đá trúng anh Đ 01 cái. Sự việc lúc này ồn ào, nên người dân xung quanh đến xem và thông báo cho gia đình anh T và anh Đ. Sau đó, người nhà của anh T và Đ đến đưa anh T và Đ đến Bệnh viện Đ1 để điều trị đồng thời trình báo sự việc cho Công an phường E, thành phố B.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 70/KLTTCT-PY, ngày 27/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ đối với thương tích của Huỳnh Văn T kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y, quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Huỳnh Văn T tại thời điểm giám định là: 42% (bốn mươi hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do từng thương tích của Huỳnh Văn T: Sẹo mổ mặt sau cằm - cổ tay phải, kích thước (5,5 x 0,1)cm, tỷ lệ: 2%, (Mục 1. 2, C); Vết thương để lại sẹo mặt trước 1/3 giữa dưới đùi phải, hơi cong mở xuống dưới vào trong, bờ đều, gọn, kích thước (9 x 0,1)cm, tỷ lệ: 2%, (Mục I. 2, C); Sẹo mổ mặt ngoài 1/3 giữa - dưới đùi phải (15 x 0,1)cm, tỷ lệ: 2%, (Mục I. 2, C1 8); Sẹo mổ mặt ngoài mông - đùi phải, kích thước (4 x 0,1)cm, tỷ lệ: 1%, (Mục I. 1, C1 8); Sẹo chót đỉnh mặt ngoài 1/3 trên đùi phải, kích thước (1 x 0,1)cm, tỷ lệ: 1%, (Mục I. 1, C1 8); Sẹo dẫn lưu mặt ngoài 1/3 giữa đùi phải, kích thước (1 x 0,1)cm, tỷ lệ: 1%, (Mục I. 1, C1 8); Sẹo dẫn lưu mặt sau 1/3 dưới đùi phải, kích thước (1 x 0,1)cm, tỷ lệ: 1%, (Mục I. 1. Chương 8); Sẹo mổ giữa gối phải, kích thước (8 x 0,1)cm, tỷ lệ: 2%, (Mục I. 2, C); Hai sẹo xuyên đỉnh, kéo tạ gót chân phải, kích thước (0,5 x 0,5)cm và (0,5 x 0,5)cm, tỷ lệ: 1% và tỷ lệ: 1%, (Mục I. 1. Chương 8); Gãy 1/3 dưới xương đùi phải, tỷ lệ: 25%, (Mục VII. 10. 1. Chương

7); Gãy xương bánh chè phải, tỷ lệ: 3%, (Mục VIII. 10. Chương 7); Gãy đầu dưới xương quay cẳng tay phải, tỷ lệ: 8%, (Mục IV. 9. 1. Chương 7).

- Vật tác động: Vật tày, cứng.

- Cơ chế hình thành thương tích: Gãy đầu dưới xương quay cẳng tay phải là do tác động trực tiếp với Vật tày, cứng ở tư thế chống bàn tay phải; Gãy hở 1/3 dưới xương đùi phải, gãy xương bánh chè phải là do tác động trực tiếp với Vật tày, cứng hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 72/KLTTCT-PY, ngày 27/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ đối với thương tích của Trần Trung Đ kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y, quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Trung Đ tại thời điểm giám định là: 4% (*bốn phần trăm*), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Trần Trung Đ: Vết thương để lại sẹo nằm chéo đuôi cung mày trái, bờ đều, gọn, kích thước (1 x 0,1)cm, tỷ lệ: 3%, (Mục I. 1, nguyên tắc 2, C); Vết thương để lại sẹo mặt trong 1/3 dưới cẳng chân trái, bờ nhám nhở, kích thước (0,5 x 0,5)cm, tỷ lệ: 1%, (Mục 1. 1. Chương 8); Chấn thương phần mềm: Xây xát vùng xương ức; Sung vùng cẳng tay trái, cẳng chân trái tại thời điểm giám định đã lành không để lại sẹo, không làm biến đổi sắc tố da trong Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích không có đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể hay tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 0%.

- Vật tác động: Vật tày, cứng và V tày, cứng, có cạnh.

- Cơ chế hình thành thương tích: Chấn thương phần mềm: Xây xát vùng xương ức; Sung vùng cẳng tay trái, cẳng chân trái là do tác động trực tiếp với Vật tày, cứng; Vết thương để lại sẹo mặt trong 1/3 dưới cẳng chân trái, bờ nhám nhở là do tác động trực tiếp với V tày, cứng, có cạnh hướng từ trước ra sau, từ phải qua trái; Vết thương để lại sẹo nằm chéo đuôi cung mày trái, bờ đều, gọn là do tác động trực tiếp với V tày, cứng, có cạnh hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ trái qua phải.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 100/KLTTCT-PY, ngày 08/01/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ đối với thương tích của Nguyễn Văn T1 kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y, quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T1 tại thời điểm giám định là: 1% (*một phần trăm*), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Nguyễn Văn T1: Vết bầm tím rải rác vùng lưng trái tại thời điểm giám định đã lành, không để lại

sẹo, không làm biến đổi sắc tố da trong Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích không có đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể hay tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 0%; Vết thương đang đóng vảy mặt trước 1/3 giữa cẳng chân trái, bờ nham nhở, kích thước (2 x 0,5)cm, tỷ lệ: 1%, (Mục I. 1, C1 8).

- Vật tác động: Vật tày, cứng và V tày, cứng có cạnh.

- Cơ chế hình thành thương tích: Vết bầm tím rải rác vùng lưng trái là do tác động trực tiếp của V tày cứng; Vết thương đang đóng vảy mặt trước 1/3 giữa cẳng chân trái, bờ nham nhở là do tác động trực tiếp của V tày, cứng, có cạnh hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 99/KLTTCT-PY, ngày 08/01/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ đối với thương tích của Võ Vương H kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y, quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Vương H tại thời điểm giám định là: 1% (*một phần trăm*), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Võ Vương H: Vết bầm tím, xây xước để lại vết biến đổi sắc tố da vùng lưng trái, đầu trên cách đốt sống D5 4cm, đầu dưới cách đường nách sau 12cm, kích thước trong diện (12 x 5)cm, tỷ lệ: 1%, (M, C); Sưng nề mặt mu bàn chân trái tại thời điểm giám định đã lành không để lại sẹo, không làm biến đổi sắc tố da trong Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích không có đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể hay tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 0%.

- Vật tác động: Vật tày, cứng.

- Cơ chế hình thành thương tích: Sưng nề mặt mu bàn chân trái là do tác động trực tiếp với V tày cứng; Vết bầm tím, xây xước để lại vết biến đổi sắc tố da vùng lưng trái là do tác động trực tiếp của V tày, cứng hướng từ sau ra trước, từ dưới lên trên, từ trái qua phải.

Tại bản Kết luận giám định số 127/KL-KTHS, ngày 19/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sonic 150R, biển số 47B2-670.95, số khung MH1KB1116HK118757, số máy: KB11E1118053; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 64F1-545.87, số khung RLCUE3710MY260715, số máy E32VE465774; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 47L1-132.58, số khung RLCS5C6K0EY173559, số máy 5C6K173561; 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại Raider, số khung RLSDL11ANLV146461, số máy CGA1-546594, không gắn biển số, các số khung, số máy trên đều không thay đổi.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 122/KL-HĐĐGTS, ngày 03/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

- Giá trị thiệt hại của 01 (một) xe mô tô biển số 47L1-132.58, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe hai bánh từ 50-175 cm³, số loại SIRIUS, màu sơn đen đỏ, số máy 5C6K173561, số khung RLCS5C6K0EY173559, dung tích xi lanh 110 cm³, sản xuất năm 2013 (Tài sản đã qua sử dụng và thu hồi được) vào ngày 08/12/2023, cụ thể: Giá trị vật tư thay thế mới: 6.980.000 đồng; C2 dịch vụ sửa chữa: 860.000 đồng; Giá trị vật tư đã qua sử dụng tại thời điểm trước khi bị thiệt hại: 1.744.000 đồng.

- Giá trị thiệt hại của 01 (một) xe mô tô không gắn biển số, nhãn hiệu SUZUKI, loại xe hai bánh từ 50-175 cm³, số loại RAIDER, màu sơn cam đen xanh, số máy CGA1546594, số khung RLSDL11ANLV146461, dung tích xi lanh 147 cm³, sản xuất năm 2020 (Tài sản đã qua sử dụng và thu hồi được): Hội đồng định giá tài sản từ chối thực hiện định giá tài sản với lý do thiệt hại, hư hỏng của xe không đáng kể, không có giá trị để định giá.

- Giá trị 01 (một) mũ bảo hiểm loại mũ che ½ đầu, nhãn hiệu “Nón sơn” màu trắng, tài sản đã qua sử dụng tại thời điểm trước khi bị thiệt hại vào ngày 08/12/2023 là 50.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, theo giấy khai sinh mà bà Phạm Thị T2 (mẹ của anh Nguyễn Văn T1) cung cấp thì anh T1 sinh vào ngày 07/5/2008 tại Bệnh viện T7, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên qua xác minh tại Bệnh viện T7 không có thông tin liên quan đến việc anh T1 được sinh tại đây và qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác định anh T1 khai sinh lại vào năm 2014 nên hồ sơ không lưu trữ giấy chứng sinh của anh T1. Bà T2 xác định anh T1 sinh ngày 27/5/2008, nhưng do gia đình khó khăn nên đến năm 2014 mới đi khai sinh cho T1, khi đi khai sinh thì khai nhầm T1 sinh ngày 07/5/2008 nên T1 sử dụng giấy khai sinh đó cho đến nay. Xét thấy chưa đủ căn cứ xác định độ tuổi của anh T1, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định trưng cầu Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định độ tuổi của anh T1. Tại bản Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 1832/KL-KTHS, ngày 22/8/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng xác định độ tuổi của Nguyễn Văn T1 tại thời điểm giám định (tháng 8 năm 2024) là: từ 16 tuổi 3 tháng đến 16 tuổi 9 tháng; Độ tuổi của Nguyễn Văn T1 tại thời điểm ngày 08/12/2023 là: từ 15 tuổi 7 tháng đến 16 tuổi 1 tháng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sonic 150R, biển số 47B2-670.95, số khung MH1KB1116HK118757, số máy: KB11E1118053; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 64F1-545.87, số khung RLCUE3710MY260715, số máy E32VE465774; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 47L1-132.58, số khung RLCS5C6K0EY173559, số máy 5C6K173561; 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại Raider, số khung RLSDL11ANLV146461, số máy CGA1-546594, không gắn biển số; 01 mũ bảo hiểm, loại che ½ đầu, nhãn hiệu “Nón sơn” (bị vỡ một phần); 01 gậy kim loại (loại ba khúc có thể rút ngắn lại); 01 bẫy mèo tự chế.

Cáo trạng số 01/CT-VKSTP-BMT ngày 05/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Võ Vương H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Vương H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Võ Vương H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Võ Vương H từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sonic 150R, biển số 47B2-670.95 là tài sản của anh Vũ Hoàng T3; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 64F1-545.87, là tài sản của anh D Hạnh Phúc; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 47L1-132.58, là tài sản của ông Huỳnh Văn H2; 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại Raider, số khung RLSDL11ANLV146461, số máy CGA1-546594, không gắn biển số, là tài sản của anh Võ Vương H1. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản trên cho anh T3, anh P, ông H2, anh H1 nhận quản lý sử dụng, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Đối với: 01 bẫy mèo tự chế và 01 mũ bảo hiểm, loại che ½ đầu, nhãn hiệu “Nón sơn” (bị vỡ một phần) của anh T, sử dụng để đi bẫy mèo hoang. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh T nhận quản lý, sử dụng, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Đối với: 01 gậy kim loại mà ông R mang theo trong quá trình xảy ra sự việc với mục đích phòng thân, để đánh người khác khi bị đánh, nên đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 589, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, người bị hại anh T và bị cáo H thỏa thuận bồi thường số tiền 150.000.000 đồng là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX buộc bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền 150.000.000 đồng.

Chấp nhận việc ông Huỳnh Văn H2 không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 47L1-132.58 bị hư hỏng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Do có ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác nên vào khoảng 0 giờ ngày 08/12/2023, tại hẻm A N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do nghi ngờ anh Huỳnh Văn T và anh Trần Trung Đ trộm cắp tài sản, Võ Vương H cùng với anh Nguyễn Văn T1, Vũ Hoàng T3, Đỗ Đình R, Dương Hạnh P dùng xe mô tô đuổi theo xe mô tô của anh T và Đ. Sau đó H điều khiển xe chở T1 áp sát xe của anh T, rồi T1 dùng gậy đánh trúng anh Đ nhưng không gây thương tích cho anh Đ, H dùng chân trái đạp trúng hông phải xe của anh T và Đ, làm anh T mất lái tông trúng cột điện số 471EATAM177 té ngã, anh T bị va đập vào cột điện gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 42%, anh Đ cũng bị té ngã gây thương tích. Sau đó, R tiến lại dùng chân đá trúng anh Đ 02 cái, T3 dùng chân đá trúng anh Đ 01 cái gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 04%; còn H dùng mũ bảo hiểm đập trúng vào đầu anh T (khi anh T đang đội mũ bảo hiểm) nhưng không gây thương tích ở đầu cho anh T.

Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng sức khỏe của con người là bất khả xâm phạm, mọi hành vi vi phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi gây thương tích cho anh T với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 42%, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Hành vi của bị cáo Võ Vương H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này” quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Võ Vương H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. HĐXX xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội, như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sonic 150R, biển số 47B2-670.95, số khung MH1KB1116HK118757, số máy: KB11E1118053; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 64F1-545.87, số khung RLCUE3710MY260715, số máy E32VE465774; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 47L1-132.58, số khung RLCS5C6K0EY173559, số máy 5C6K173561; 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại Raider, số khung RLSDL11ANLV146461, số máy CGA1-546594, không gắn biển số, Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ. Quá trình điều tra xác định, 01 xe mô tô nhãn hiệu

Honda, số loại Sonic 150R, biển số 47B2-670.95 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Vũ Hoàng T3; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 64F1-545.87, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh D Hạnh Phúc; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 47L1-132.58, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Huỳnh Văn H2; 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại Raider, số khung RLSDL11ANLV146461, số máy CGA1-546594, không gắn biển số, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Võ Vương H1. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản trên cho anh T3, anh P, ông H2, anh H1 nhận quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với: 01 bẫy mèo tự chế và 01 mũ bảo hiểm, loại che ½ đầu, nhãn hiệu “Nón sơn” (bị vỡ một phần) của anh Huỳnh Văn T. Quá trình điều tra xác định, anh T sử dụng để đi bẫy mèo hoang, không sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh T nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với: 01 gậy kim loại mà Đỗ Đình R mang theo trong quá trình xảy ra sự việc. Quá trình điều tra xác định R mang theo với mục đích phòng thân, để đánh người khác khi bị đánh, nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với: 01 gậy bằng kim loại dạng gậy tonfa mà anh Nguyễn Văn T1 sử dụng để đánh anh Trần Trung Đ; 01 balo của anh Huỳnh Văn T mang theo; khoảng 04-05 cục gạch, đá mà anh T mang theo rồi anh Đ sử dụng ném về phía bị cáo H và anh T1; 01 mũ bảo hiểm bị cáo H sử dụng đánh anh T. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 589, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi vụ việc xảy ra, bị cáo H đã tác động gia đình hỗ trợ, bồi thường chi phí điều trị cho bị hại anh T với số tiền là 3.000.000 đồng. Anh T yêu cầu bị cáo H phải tiếp tục bồi thường các khoản: chi phí điều trị thương tích, ảnh hưởng đến sức khỏe, khả năng làm việc, bồi thường tổn thất tinh thần, tổng số tiền 190.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu bị cáo H phải bồi thường do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 150.000.000 đồng. Bị cáo H đồng ý bồi thường cho anh T số tiền 150.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận bồi thường giữa người bị hại anh T và bị cáo H là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại anh T số tiền 150.000.000 đồng.

Đối với thiệt hại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 47L1-132.58, số khung RLCS5C6K0EY173559, số máy 5C6K173561, do sự việc trên. Quá trình điều tra, ông Huỳnh Văn H2 là chủ sở hữu chiếc xe mô tô yêu cầu bị cáo H phải bồi thường chi phí sửa chữa chiếc xe mô tô bị hư hỏng số tiền

10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông H2 không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường chi phí nào khác là tự nguyện nên cần ghi nhận.

Đối với thiệt hại của xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại Raider, số khung RLSDL11ANLV146461, số máy CGA1-546594, không gắn biển số, do sự việc trên. Quá trình điều tra, anh Võ Vương H1 là chủ sở hữu xe mô tô không yêu cầu bồi thường do xe mô tô bị hư hỏng; Những người liên quan anh Trần Trung Đ, anh Nguyễn Văn T1, bị cáo H không yêu cầu bồi thường chi phí nào khác nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Tình tiết khác:

Đối với anh Nguyễn Văn T1 là người đi cùng xe do bị cáo H điều khiển, anh T1 nhận thức được việc di chuyển với tốc độ cao có khả năng nguy hiểm, nên chỉ đánh anh Đ là người ngồi sau chứ không tác động đến chiếc xe mô tô cũng không đánh hay tác động đến anh T là người đang điều khiển xe với mục đích đe anh T và Đ dừng lại; việc bị cáo H dùng chân đạp trúng vào xe mô tô của anh T thì bị cáo H không bàn bạc, trao đổi gì với anh T1 mà tự ý thực hiện; anh T1 không mong muốn việc anh T và Đ bị té ngã xe mô tô gây thương tích. Đối với ông Đỗ Đình R, anh Vũ Hoàng T3, anh Dương Hạnh P trong quá trình tổ chức tuần tra không bàn bạc, trao đổi gì với bị cáo H về việc đánh đập, đạp xe mô tô của người khác cũng như trong quá trình truy đuổi anh T và Đ không hô hào hay có hành động gì tác động đến việc anh T và Đ tông xe trúng cột điện và cũng không mong muốn việc anh T và Đ tông xe trúng cột điện bị thương tích. Do đó, anh T1, ông R, anh T3 và anh P không đồng phạm với bị cáo H về hành vi cố cố ý gây thương tích cho anh T.

Đối với việc bị cáo H đạp vào xe của anh T gây hư hỏng chiếc xe mô tô biển số 47L1-132.58 và dùng mũ bảo hiểm của mình đập vỡ mũ bảo hiểm của anh T với tổng giá trị tài sản bị hư hỏng dưới 2.000.000 đồng, đồng thời bị cáo H chưa có tiền án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển Công an thành phố B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo H về hành vi “*Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình là phù hợp.

Đối với việc anh Trần Trung Đ bị thương tích với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 04% do chiếc xe mô tô mà anh T điều khiển tông trúng cột điện và bị anh T1 dùng gậy, ông R và anh T3 dùng chân, tay đánh. Tuy nhiên, anh Đ đã có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển Công an thành phố B để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông R, anh T3 và anh T1 về hành vi “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự*” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình là phù hợp.

Đối với việc bị cáo H bị thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%, anh Nguyễn Văn T1 bị thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%. Quá trình điều tra xác định, do bị cáo H đang điều khiển xe với tốc độ cao, cùng lúc đó bị cáo H dùng chân đạp xe của anh T nên bị té ngã dẫn đến bị thương tích cho bị cáo H và anh T1. Bị cáo H và anh T1 cũng không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi của anh T và Đ sử dụng gạch, đá ném về phía nhóm của bị cáo H nhưng chưa gây thương tích cho ai. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Võ Vương H1, là chủ chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại Raider, số khung RLSDL11ANLV146461, số máy CGA1-546594, không gắn biển số, mà bị cáo H đã sử dụng trong quá trình xảy ra sự việc. Quá trình điều tra xác định, anh H1 mua xe mô tô trên vào tháng 7/2023, do chưa làm thủ tục đăng ký xe mô tô nên để ở nhà thì bị cáo H tự ý lấy sử dụng mà không được sự đồng ý của anh H1. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý đối với anh H1 là phù hợp.

Đối với việc anh T3, anh P và bị cáo H điều khiển xe mô tô khi chưa có giấy phép lái xe và bị cáo H điều khiển xe mô tô khi không có giấy đăng ký xe theo quy định, Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T3, anh P và bị cáo H về hành vi “*Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa*” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP; quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo H về hành vi “*Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe theo quy định hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe đã hết hạn sử dụng*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt là phù hợp.

Đối với việc bị cáo H, ông R, anh T1, P, T3 sử dụng xe mô tô truy đuổi anh T và Đ trên tuyến đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (khu vực công cộng). Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm xảy ra sự việc vào ban đêm (khoảng 0 giờ), tại tuyến đường trên không có người dân, phương tiện qua lại; quá trình truy đuổi thì nhóm của bị cáo H không la hét, cổ vũ, nên người dân sinh sống tại địa bàn không biết quá trình truy đuổi. Sau khi sự việc xảy ra, chưa ghi nhận sự việc ảnh hưởng đến tâm lý của quần chúng nhân dân sinh sống, chưa ghi nhận ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại khu vực. Do đó hành vi của bị cáo H, ông R, anh T1, P, T3 không có dấu hiệu của hành vi Gây rối trật tự công cộng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. **Tuyên bố** bị cáo Võ Vương H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Vương H **06 (sáu) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/4/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho anh Vũ Hoàng T3 là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sonic 150R, biển số 47B2-670.95; trả lại cho anh D Hạnh Phúc là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 64F1-545.87; trả lại cho ông Huỳnh Văn H2 là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 47L1-132.58; trả lại cho anh Võ Vương H1 là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại Raider, số khung RLSDL11ANLV146461, số máy CGA1-546594, không gắn biển số.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại cho anh Huỳnh Văn T nhận quản lý, sử dụng: 01 (một) bẫy mèo tự chế và 01 (một) mũ bảo hiểm, loại che ½ đầu, nhãn hiệu “Nón sơn” (bị vỡ một phần).

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gậy kim loại (loại ba khúc có thể rút ngắn lại) của ông Đỗ Đình R.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/12/2024 giữa Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 589, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Võ Vương H phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại anh Huỳnh Văn T số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Ghi nhận việc ông Huỳnh Văn H2 không yêu cầu bị cáo Võ Vương H phải bồi thường chi phí nào khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Vương H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS TP. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My